TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 03 - 7 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Nguyễn QuốcTiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: đường N, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Lý Thị Anh T1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh và chị T1 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T1 hay vay nợ, dẫn đến vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 06/2017, anh và chị T1 sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị không có con chung và hiện tại chị T1 cũng không có mang thai với anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với chị T1; Về con chung, tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ý kiến ngày 21/3/2019 bị đơn là chị Lý Thị Anh T1 trình bày:

Chị xác định lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân và vợ chồng không có tài sản chung là đúng, đồng thời chị cũng đồng ý ly hôn với anh T. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và hiện tại chị không có mang thai với anh T.

Về vấn đề nợ chung chị cho rằng vợ chồng có nhờ mẹ ruột của chị là bà Trần Thị Tuyết N đứng ra mua giùm một chiếc xe mô tô hiệu Sirius trị giá 24.000.000 đồng, bằng hình thức mua trả góp tại Salon xe Kim Điệp – Kim Tiên phường Rạch Sỏi, xe do bà N đứng tên. Sau đó bà N đứng ra vay số tiền 44.627.000 đồng để trả dứt tiền góp xe, số còn dư hai vợ chồng tiêu xài chung. Sau khi hết tiền xài thì hai vợ chồng đem chiếc xe này đi cầm và bán luôn, mua lại một chiếc xe Wave trị giá 5.000.000 đồng. Chị xác nhận nợ chung của hai vợ chồng đối với bà N là 30.000.000 đồng, yêu cầu anh T chịu trách nhiệm trả một nửa số nợ là 15.000.000 đồng. Tuy nhiên chị T1 không làm thủ tục phản tố về vấn đề nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lý Thị Anh T1, đây là tranh chấp về ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lý Thị Anh T1 là bị đơn cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chị Lý Thị Anh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T1.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị Anh T1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2015 tại Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi,

thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn như: không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hàng ngày thường cự cãi nhau...dẫn đến mất lòng tin với nhau, hậu quả hai bên đã sống ly thân từ tháng 06/2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án hai bên đều thể hiện ý kiến đồng ý ly hôn, do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị T1.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị T1 không có con chung; hiện tại chị T1 cũng không có mang thai với anh T.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với lời trình bày của chị T1 về vấn đề nợ chung, Tòa án đã hướng dẫn thủ tục phản tố, chị T1 có nộp đơn phản tố đề ngày 27/3/2019, không có tài liệu, chứng cứ kèm theo và Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 236/TB-TA ngày 12/4/2019 tống đạt hợp lệ đến chị T1, tuy nhiên hết thời hạn luật định mà chị T1 không thực hiện việc nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí, đồng thời cũng không có văn bản xin gia hạn hoặc trình bày lý do chính đáng để Tòa án xem xét. Ngoài ra, Tòa án có Thông báo số 107/2019/TB-TA ngày 17/5/2019 về việc thực hiện quyền yêu cầu độc lập gửi đến bà Trần Thị Tuyết N, nội dung yêu cầu bà xác nhận việc bà có cho vợ chồng anh T, chị T1 vay tiền theo lời trình bày của chị T1 hay không và hướng dẫn thủ tục làm đơn khởi kiện nếu bà có yêu cầu được xem xét về vấn đề nợ khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh T, chị T1. Thông báo được tống đạt hợp lệ đến bà N và hết thời hạn luật định mà bà N không có văn bản trả lời gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án không có cơ sở để xem xét theo yêu cầu của chị T1 về vấn đề nợ trong thời kỳ hôn nhân.

Quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn. Các bên có quyền làm đơn khởi kiện để được Tòa án xem xét, giải quyết thành một vụ án khác, nếu có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001464 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Lý Thị Anh T1.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001464 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND Tp Rạch Giá;
- THA DS Tp Rạch Giá;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM **HỘI THẨM** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…… …… **Hoàng Hồng Thắm**